| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THUẬN AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 261/2025/LĐ-ST
Ngày: 06/6/2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng lao động".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Công tác tại Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà**:* Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 44/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2025/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Đinh Thị Tuyết T, sinh năm 1986; thường trú tại: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: 8 tổ C, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Bị đơn:*** Công ty TNHH K, trụ sở: Đường D, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1968; thường trú: 8.16C/c H Â, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 05/5/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Trương Thị Bích C1, sinh năm 1993; thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T trình bày:*

Trước đây bà Đinh Thị Tuyết T trước đây là công nhân Công ty TNHH X; có trụ sở tại: Ấp (nay là khu phố A) phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, sau đó được công ty cho chuyển đến làm việc tại Công ty TNHH S; trụ sở tại: 1 đường L, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, tiếp tục tham gia BHXH tại đây cho đến tháng 02 năm 2023, có quyết định thôi việc, trong thời gian làm việc tại các công ty trên thì bà T có tham gia BHXH theo quy định, sổ BHXH số 7408310129, cấp ngày 20/8/2019, tên Đinh Thị Tuyết T, sinh ngày 20/10/1986; số chứng minh nhân dân 352700407, số CCCD 080186004505 cấp ngày 26/10/2023.

Do có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội một lần nên bà T làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thành phố T và được thông báo thời điểm từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 bà T có ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH K và có tham gia bảo hiểm xã hội nên thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà Trang bị trùng.

Lý do bị trùng là năm 2008 bà T có cho bà Trương Thị Bích C1 mượn giấy Chứng minh nhân dân để làm hồ sơ xin việc và nộp vào Công ty TNHH K, sau đó công ty có làm thủ tục đóng BHXH, toàn bộ hồ sơ lao động của bà Trương Thị Bích C1 tại Công ty TNHH K đều lấy tên là Đinh Thị Tuyết T, thực tế người làm việc tại Công ty TNHH K là bà Trương Thị Bích C1, thời gian làm từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009, do thời gian đã lâu và bà C1 đã làm thất lạc Hợp đồng lao động với Công ty TNHH K nên bà T không cung cấp được cho Tòa án.

Nay bà Đinh Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Đinh Thị Tuyết T (do bà Trương Thị Bích C1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K trong khoảng thời gian làm từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 là vô hiệu.

Về án phí: Bà Đinh Thị Tuyết T tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Do không có thời gian tham gia tố tụng nên bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Tại Công văn giải trình ngày 20/5/2025, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH K trình bày:*

Do quá trình ký kết hợp đồng lao động và thời gian chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đinh Thị Tuyết T tính đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn lưu trữ hồ sơ nhân viên không có hồ sơ gốc đối chiếu, chỉ sử dụng dữ liệu trên hệ thống của công ty, khi ký kết hợp đồng lao động công ty không biết việc người lao động Trương Thị Bích C1 dùng hồ sơ của bà Đinh Thị Tuyết T để ký với Công ty TNHH K. Quá trình bà Đinh Thị Tuyết T (tên thật là Trương Thị Bích C1) làm việc tại Công ty TNHH K thì công ty đã mua Bảo hiểm xã hội cho bà T theo đúng quy định của pháp luật, đến khi bà T chấm dứt hợp đồng lao động với công ty thì bà T và công ty đã thỏa thuận giải quyết đủ quyền lợi của bà T, đồng thời chốt sổ Bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty TNHH K không có ý kiến, không yêu cầu phản tố, đồng thời yêu cầu giải quyết vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án.

** Tại đơn trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bích C1 trình bày:*

Bà Trương Thị Bích C1 là chị em quen biết với bà Đinh Thị Tuyết T. Bà C1 xác định có giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH K từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 với tên Đinh Thị Tuyết T, thời điểm này do bà C1 chưa đủ 18 tuổi không được ký hợp đồng lao động nên đã mượn giấy Chứng minh nhân dân và các thông tin cá nhân của bà Đinh Thị Tuyết T để nộp hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH K, sau đó công ty có tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định, được cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 7408099609, toàn bộ hồ sơ lao động và tham gia bảo hiểm xã hội đều đứng tên bà Đinh Thị Tuyết T. Bà C1 không cung cấp được hợp đồng lao động vì đã thất lạc. Bà C1 nhận thấy việc ký kết hợp đồng lao động với Công ty như trên là sai quy định, vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị Tuyết T, Thời gian bà Trương Thị Bích C1 làm việc tại Công ty TNHH K chưa được hưởng BHXH 01 lần. Đối với yêu cầu khởi kiện và toàn bộ lời trình bày của bà Đinh Thị Tuyết T trong quá trình tố tụng bà C1 thống nhất, không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Tại Công văn số 250/CV-BHXH ngày 28/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T xác định:*

Qua kiểm tra dữ liệu thông tin đối với người lao động tên Đinh Thị Tuyết T, sinh năm 1986, số chứng minh nhân dân số chứng minh nhân dân 352700407, số CCCD 080186004505 cấp ngày 26/10/2023 có 02 mã số Bảo hiểm xã hội, bao gồm:

Mã số mã số Bảo hiểm xã hội 7408310129 tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH X và Công ty TNHH S từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2023. Đối với mã số bảo hiểm này đang được bảo hưu, đã hưởng BHTN.

Mã số mã số Bảo hiểm xã hội 7408099609 tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH K từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009. Đối với mã số bảo hiểm này đang được bảo hưu, đã hưởng BHTN.

Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T khởi kiện *"Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Đinh Thị Tuyết T (do bà Trương Thị Bích C1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K trong khoảng thời gian làm từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 là vô hiệu".*

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về hợp đồng lao động" được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH K có địa chỉ trụ sở tại Đường D, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện hợp pháp bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH K và bà Đinh Thị Tuyết T. Tuy nhiên, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C1 đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trương Thị Bích C1 dùng thông tin cá nhân của bà Đinh Thị Tuyết T để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009, được công ty tham gia BHXH thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số: 7408099609. Tuy nhiên, thực tế bà Đinh Thị Tuyết T cũng giao kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH X và Công ty TNHH S từ tháng 11 năm 2008 đến tháng 01 năm 2023 và có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7408310129.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin cung cấp từ cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố T có cơ sở xác định: Việc bà Trương Thị Bích C1 sử dụng thông tin cá nhân và chứng minh nhân dân của bà Đinh Thị Tuyết T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 (Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019), vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật lao động 2012 (khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019). Do đó, theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật lao động 2012 (điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó, nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động tên Lê Văn Q (do bà Trương Thị Bích C1 là người ký) và Công ty TNHH K thời gian từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 vô hiệu toàn bộ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu gì khác trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Công ty TNHH K không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự 2015);

- Các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

- Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Tuyết T về việc Tranh chấp hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH K.

**2.** Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Đinh Thị Tuyết T và Công ty TNHH K trong thời gian từ tháng 06 năm 2008 đến tháng 05 năm 2009 vô hiệu.

**3.** Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Đinh Thị Tuyết T theo quy định pháp luật.

**4.** Về án phí: Nguyên đơn bà Đinh Thị Tuyết T tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000658 ngày 14/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- CCTHADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Ánh**